

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Natri Thiosunfat

Công thức hóa học:  $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$  (thường dùng dạng ngâm nước)

Số CAS: 10102-17-7

Khối lượng phân tử: 248.18 g/mol (dạng 5 nước)

### MỤC 1: NHẬN DẠNG

- Tên thương mại:** Sodium thiosulfate pentahydrate
- Công dụng:** Dùng làm thuốc thử phân tích, trung hòa clo, khử trùng cyanide, trong nhiếp ảnh
- Nhà cung cấp:**  
Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi  
Mã số thuế: 0314051291  
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP.HCM  
SĐT khẩn cấp: 0909.907.861

### MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại GHS:** Không phân loại là chất nguy hại theo GHS
- Từ cảnh báo:** Không bắt buộc
- Câu cảnh báo nguy hại:** Không đáng kể ở nồng độ thông thường
- Câu phòng ngừa:** Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt, không hít bụi

### MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ %
Sodium thiosulfate pentahydrate	10102-17-7	≥ 96%

### MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da:** Rửa với xà phòng và nước
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt ngay với nước trong ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Nếu có triệu chứng, đưa đến cơ sở y tế

### MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Chất chữa cháy phù hợp:** Nước,  $\text{CO}_2$ , bột, bột khô
- Khí độc khi cháy:**  $\text{SO}_2$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$
- Thiết bị bảo hộ:** Mặc đồ bảo hộ, dùng mặt nạ phòng độc khi có khói

### MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Xử lý tràn đổ:** Gom bằng vật liệu hút, tránh tạo bụi
- Phòng ngừa môi trường:** Không đổ ra cống thoát nước

### MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Tránh tiếp xúc mắt, không tạo bụi
- Bảo quản:** Trong chai kín, nơi khô ráo, thoáng mát
- Tránh tiếp xúc với:** Axit mạnh (giải phóng khí độc  $\text{SO}_2$ )

### MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Bảo hộ cá nhân:**
  - Mắt: Kính bảo hộ
  - Tay: Găng tay cao su
  - Da: Áo bảo hộ
  - Hô hấp: Đeo khẩu trang nếu làm việc với lượng lớn

---

## MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- Trạng thái: Tinh thể rắn
- Màu: Trắng
- Mùi: Không mùi
- Độ tan trong nước: Rất tan
- pH (1M): Khoảng 6.5 – 8
- Nhiệt độ nóng chảy: ~48°C (mất nước)
- Ổn định dưới điều kiện thường

---

## MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định khi khô và kín
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phân hủy tạo SO<sub>2</sub> khi tác dụng với axit
- **Tránh tiếp xúc:** Axit mạnh, oxy hóa mạnh

---

## MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** > 5000 mg/kg
- **Tác hại:** Ít độc, nhưng tiếp xúc nhiều có thể gây kích ứng nhẹ

---

## MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Tính phân hủy sinh học:** Có
- **Độc với sinh vật nước:** Thấp
- **Khuyến cáo:** Không thải lượng lớn ra môi trường

---

## MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- **Cách xử lý:** Thu gom, xử lý theo quy định chất thải vô cơ
- **Không đổ trực tiếp ra môi trường nước**

---

## MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- Không phân loại là chất nguy hiểm khi vận chuyển
- **UN Number:** Không áp dụng
- **Nhóm đóng gói:** Không áp dụng

---

## MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- Không bị hạn chế đặc biệt theo GHS/CLP
- Sử dụng phù hợp trong phòng thí nghiệm và công nghiệp

---

## MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày cập nhật: 07/07/2025
- Tài liệu chỉ mang tính tham khảo. Luôn tuân thủ hướng dẫn nội bộ và pháp luật hiện hành khi sử dụng hóa chất.
- **Ghi chú:**
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế